

Bản án số: 87/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 27-7-2018

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Minh Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Diễm;

2. Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2018, tại Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 316/2018/TLST-HNGĐ ngày 05/4/2018 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2018/QĐXXST-HN ngày 21/6/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 68/2018/QĐST-HNGĐ ngày 10/7/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị T, sinh năm 1973;

Thường trú: 50 đường số 18B, phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh;

Tạm trú: 2C/6A khu phố T, phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- Bị đơn: Anh Lê Văn V, sinh năm 1968.

Thường trú: 50 đường số 18B, phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh;

Tạm trú: 2C/6A khu phố T, phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22/3/2018, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trương Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau một thời gian tìm hiểu, chị Trương Thị T và anh Lê Văn V chung sống với nhau từ năm 1991 nhưng đến năm 2001 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện X, tỉnh Đồng Nai, theo giấy chứng nhận kết hôn số

052/KH, quyền số 01/2001, ngày 07/12/2001, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình đồng ý và có tổ chức lễ cưới.

Sau khi chung sống và kết hôn vợ chồng sống tại huyện X, tỉnh Đồng Nai. Năm 2003 vợ chồng sinh sống tại phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến năm 2012 vợ chồng về sinh sống, làm việc tại số 2C/6A khu phố T, phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, tuy nhiên chưa đến mức phải ly hôn. Nhưng đến giữa năm 2017 mâu thuẫn vợ chồng phát sinh lên đến đỉnh điểm, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm về tất cả các mặt trong cuộc sống hàng ngày như không cùng quan điểm trong công việc làm ăn, tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau và anh V cũng thường xuyên đánh chị T, vợ chồng không tôn trọng nhau, anh V thường xuyên dùng những lời lẽ xúc phạm chị T. Ngoài ra thì anh V còn ghen tuông vô cớ, mặc dù chị T cố chịu đựng sống vì con và để vợ chồng có cơ hội hàn gắn mâu thuẫn, xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng không có kết quả, ngược lại mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Vợ chồng đã sống ly thân từ giữa năm 2017. Nay chị Trương Thị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn V.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Lê Thị Mỹ H, sinh ngày 27/9/1994 và Lê Minh Q, sinh ngày 12/12/1996 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quyền và nghĩa vụ tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai ngày 05/7/2018 và tại phiên tòa bị đơn anh Lê Văn V trình bày:*

Về hôn nhân: Anh Lê Văn V và chị Trương Thị T chung sống với nhau từ năm 1991, đến năm 1992 vợ chồng vào sinh sống làm việc tại xã L, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Đến năm 2011 vợ chồng về sinh sống tại Thành phố Hồ Chí Minh, lúc khó khăn thì vợ chồng cùng nhau làm ăn lo cho các con ăn học, nhưng khi cuộc sống vợ chồng khá hơn thì chị T đua đòi ăn chơi, ca hát ở những quán Bar, nhà hàng và tham gia vào những hội nọ, hội kia. Khi ở nhà chị T hay lén lút điện thoại và trốn đi chơi với người đàn ông khác. Khi anh V phát hiện thì chị T đã làm đơn ly hôn, anh V cảm thấy bị xúc phạm nên đã ký vào đơn và vợ chồng có thỏa thuận về tài sản. Nhưng chị T không nộp đơn ly hôn lên Tòa án và vợ chồng về chung sống lại với nhau, khi vợ chồng về chung sống lại thì chị T không thay đổi vẫn đi chơi, thỉnh thoảng còn đi qua đêm mới về. Anh V có la mắng thì chị T bỏ nhà đi và làm đơn ly hôn nộp ra Tòa án. Sau khi chị T bỏ đi được khoảng nửa tháng thì anh V có đến nhà anh trai của chị T khuyên nhủ chị T quay về nhưng chị đặt ra điều kiện phải để chị T được thoải mái đi đâu thì đi, anh V không đồng ý nên chị T không về. Đối với yêu cầu ly hôn của chị Trương Thị T thì anh Lê Văn V cũng đồng ý với điều kiện chị T phải thỏa thuận với anh V về tất cả các vấn đề về con chung, tài sản chung và nợ chung, khi nào vợ chồng thỏa thuận xong tất cả các vấn đề trên thì anh V sẽ ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh Lê Văn V xác định vợ chồng có hai con chung tên Lê Thị Mỹ H, sinh ngày 27/9/1994 và Lê Minh Q, sinh ngày 12/12/1996, đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quyền và nghĩa vụ tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và đương sự chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về điều kiện thụ lý vụ án: Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị Trương Thị T thì đây là vụ án tranh chấp ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn anh Lê Văn V có địa chỉ tạm trú tại phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị T và anh Lê Văn V là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện X, tỉnh Đồng Nai, theo giấy chứng nhận kết hôn số 052/KH, quyển số 01/2001, ngày 07/12/2001, là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị T xác định mâu thuẫn vợ chồng nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm về tất cả các mặt trong cuộc sống hàng ngày như không cùng quan điểm trong công việc làm ăn, tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau và anh V cũng thường xuyên đánh chị T, vợ chồng không tôn trọng nhau, anh V thường xuyên dùng những lời lẽ xúc phạm chị T. Ngoài ra thì anh V còn ghen tuông vô cớ với chị T. Tại phiên tòa anh V xác định cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do chị T không lo làm ăn, chị T đua đòi ăn chơi, ca hát ở những quán Bar, nhà hàng và tham gia vào những hội nọ, hội kia thỉnh thoảng còn đi chơi qua đêm, lén lút anh V điện thoại và đi chơi với người đàn ông khác. Mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích đó, vợ chồng phải tin tưởng, thương yêu, quý trọng, chung thủy và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Xét thấy, quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh V đã xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng không hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh V và chị T được anh chị thừa nhận tại phiên tòa, điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh V đã trầm trọng không thể khắc phục được. Vì vậy, chị Trương Thị T yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định của Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Giữa chị Trương Thị T và anh Lê Văn V có hai con chung tên Lê Thị Mỹ H, sinh ngày 27/9/1994 và Lê Minh Q, sinh ngày 12/12/1996, đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu Tòa án giải quyết.

[5] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về tranh chấp ly hôn của chị Trương Thị T với anh Lê Văn V.

[6] Lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An là phù hợp như những phân tích nêu trên.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trương Thị T chịu án phí ly hôn theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị T được ly hôn với anh Lê Văn V.
2. Về con chung: Chị Trương Thị T và anh Lê Văn V có hai con chung tên Lê Thị Mỹ H, sinh ngày 27/9/1994 và Lê Minh Q, sinh ngày 12/12/1996, đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết việc nuôi con.
3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.
4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trương Thị T phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0019110 ngày 27/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.
5. Nguyên đơn chị Trương Thị T và bị đơn anh Lê Văn V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Dĩ An;
- CCTHA DS thị xã Dĩ An;
- UBND xã Lâm San, huyện Xuân Lộc,
tỉnh Đồng Nai;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Phan Thị Minh Châu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

